TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ - PT
Ngày: 26 - 3 - 2026
" V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước
Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Văn Dương
+ Bà Đoàn Thị Kim Thương

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2026/TLPT –HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con";

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2025/HNGĐ-ST ngày 25/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXX-PT ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 044192000441; nơi cư trú: thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Đại T1, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 044086000242; nơi cư trú: thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị -Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 8 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đại T1 yêu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 17/7/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại nhà bố mẹ anh T1 tại thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị; vợ chồng chung sống hạnh được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cải vã, mâu thuẫn càng

ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Hiện nay, chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2015 và cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2023. Hiện cháu Nguyễn Thị Ngọc P đang sinh sống với ông bà nội, còn cháu Nguyễn Linh Đ đang sống chung cùng vợ chồng. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2- Tại bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đại T1 trình bày:

Anh Nguyễn Đại T1 thống nhất về quá trình tìm hiểu, kết hôn như chị Nguyễn Thị T đã trình bày; sau khi kết hôn, vợ chồng sống với bố mẹ anh T1 tại thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị. Theo anh T1; quá trình chung sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, không xảy ra vấn đề gì trầm trọng, hai người vẫn sống chung cùng nhau, quan hệ vợ chồng vẫn bình thường nên nay chị T xin ly hôn anh T1 không đồng ý, anh T1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Vợ chồng anh T1, chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2015 và cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2023. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh T1 có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 31/2025/HNGĐ-ST ngày 25/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T; chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đại T1 vẫn là vợ chồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2026, chị Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1 và chị T có nguyện vọng được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc P và cháu Nguyễn Linh Đ.

Quá trình giải quyết ở giai đoạn cấp phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T cung cấp thêm tài liệu chứng cứ: Đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân gia đình đề ngày

24/5/2022 của chị Nguyễn Thị T với nội dung yêu cầu Toà án huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (củ) giải quyết cho chị ly hôn với anh T1; bản cam kết đề ngày 21/7/2022 của anh Nguyễn Đại T1; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình sự số 11/2022/QĐST-HNGD ngày 21/7/2022 của Toà án huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (củ), Giấy xác nhận ngày 10/3/2026 của Công ty TNHH X nơi chị T đang làm việc và các bảng lương, phụ cấp của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đại T1.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm số: 31/2025/HNGĐ-ST ngày 25/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Quảng Trị:

+ Về tình cảm: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đại T1.

+ Về con cái: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2015 cho anh Nguyễn Đai T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2023 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đại T1 và chị Nguyễn Thị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo và việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đại T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

(nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 17/7/2015. Theo chị T thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã và chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, hiện không thể chung sống với anh T1 và kiên quyết xin ly hôn. Tại cấp phúc thẩm, chị T cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới đó là: Vào ngày 24/12/2022 chị T làm đơn xin ly hôn với anh T1 gửi Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (củ) để yêu cầu giải quyết; bản cam kết đề ngày 21/7/2022 của anh Nguyễn Đại T1 với nội dung "Tôi viết bản cam kết trước toà và xin hứa từ nay về sau sẽ quan tâm yêu thương tôn trọng vợ, chăm soc con, có trách nhiệm với gia đình, tiền lương làm được bao nhiêu đưa hết cho vợ; nếu tôi không thực hiện được như những lời tôi cam đoan, dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc đi đến toà, thì toà xử lý theo quy định của pháp luật, không cần hoà giải" và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2022 của Toà án huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (củ). Như vậy, căn cứ các tài liệu mà chị T cung cấp thì vợ chồng đã được Toà án huyện Q, tỉnh Quảng Bình (củ) thụ lý theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T và trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã rút đơn khởi kiện nên Toà án huyện Q, tỉnh Quảng Bình (củ) đã đình chỉ giải quyết vụ án chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ lâu và kéo dài nhưng không được cải thiện. Tại phiên toà phúc thẩm, cả chị T và anh T1 đều thừa nhận hiện nay hai vợ chồng sống ly thân; do đó mặc dù anh T1 không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ, nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đại T1 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 29/12/2015 và cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 06/5/2023. Nếu ly hôn cả chị T và anh T1 đều có nguyên vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hiện tại, cháu Nguyễn Linh Đ sinh năm 2023, hiện còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện chăm sóc. Trong vụ án này, không có căn cứ xác định chị T không đủ điều kiện nuôi con, do đó cần giao cháu Nguyễn Linh Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc P sinh năm 2015, đã trên 07 tuổi, cần xem xét nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, xét thấy anh T1 có nguyện vọng nuôi con, có điều kiện về chỗ ở, môi trường sống ổn định và thực tế cháu có thời gian sinh sống cùng gia đình bên nội, nên việc giao cháu Ngọc P cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự ổn định về tâm lý và điều kiện phát triển của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, các bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết tại giai đoạn phúc thẩm đã xuất hiện các tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, sửa Bản án sơ thẩm số 31/2025/HNGĐ-ST ngày 25/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Quảng Trị, theo hướng cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đại T1; về con chung giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 06/5/2023 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 29/12/2015 cho anh Nguyễn Đại T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T; sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2025/HNGĐ-ST ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Quảng Trị; xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đại T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 06/5/2023 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 29/12/2015 cho anh Nguyễn Đại T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000984 ngày 17/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Q. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000267 ngày 16/01/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Q.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự ;
- TAND khu vực 4;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: HS vụ án, án văn Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Dương Đoàn Thị Kim T3 **Phan Hồng P1**